

PHỤ LỤC IVa:

KỊCH BẢN THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2026 THEO TỪNG THÁNG CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày/9/2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Chủ đầu tư	Tổng kế hoạch 2026	Lũy kế giải ngân đến hết tháng 9		Lũy kế giải ngân đến hết tháng 10		Lũy kế giải ngân đến hết tháng 11		Lũy kế giải ngân đến hết tháng 12		Lũy kế giải ngân đến hết tháng 01/2027	
			Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	TỔNG CỘNG TOÀN TỈNH	11.294.185	4.567.290	40,4%	5.204.559	46,1%	5.991.503	53,0%	7.889.538	69,9%	10.980.080	97,2%
I	Các Ban quản lý	8.294.437	4.107.290	49,5%	4.599.559	55,5%	5.152.363	62,1%	5.984.448	72,2%	8.294.437	100,0%
1	Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên	264.692	139.844	52,8%	147.265	55,6%	187.265	70,7%	237.265	89,6%	264.692	100,0%
2	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPTNT tỉnh	2.251.562	607.883	27,0%	663.985	29,5%	747.614	33,2%	859.505	38,2%	2.251.562	100,0%
3	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN tỉnh	472.522	251.548	53,2%	295.098	62,5%	316.164	66,9%	376.615	79,7%	472.522	100,0%
4	Ban Quản lý các dự án ĐTXD KV phía Đông tỉnh	2.032.843	1.413.977	69,6%	1.590.789	78,3%	1.749.869	86,1%	1.925.553	94,7%	2.032.843	100,0%
5	Ban QLDA ĐTXD Buôn Ma Thuột	1.291.356	662.703	51,3%	713.778	55,3%	780.000	60,4%	1.028.150	79,6%	1.291.356	100,0%
6	Ban QLDA ĐTXD Buôn Hồ	280.641	128.154	45,7%	152.165	54,2%	164.409	58,6%	174.030	62,0%	280.641	100,0%
7	Ban QLDA ĐTXD Ea Kar	205.319	121.341	59,1%	129.564	63,1%	147.799	72,0%	169.818	82,7%	205.319	100,0%
8	Ban QLDA ĐTXD Tuy Hòa	1.027.062	570.318	55,5%	656.325	63,9%	742.322	72,3%	828.320	80,6%	1.027.062	100,0%
9	Ban QLDA ĐTXD Tuy An	468.440	211.521	45,2%	250.590	53,5%	316.921	67,7%	385.192	82,2%	468.440	100,0%
II	Các Sở, ngành, địa phương và nhiệm vụ khác	2.999.748	460.000	15,3%	605.000	20,2%	839.140	28,0%	1.905.090	63,5%	2.685.643	89,5%

Ghi chú: Kế hoạch vốn năm 2026: Tiến độ lũy kế giải ngân đạt 97% kế hoạch năm; đến hết 31/01/2027 giải ngân 100% kế hoạch (trừ phần tiết kiệm chi 5% theo quy định, tương ứng 314.105 triệu đồng)